BẢO HIỂM XÃ HỘI VIỆT NAM	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Số: 1721 /BHXH-CSYT	**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
V/v: quyết toán đa tuyến ngoại tỉnh năm 2010	*Hà Nội, ngày 19 tháng 4 năm 2011*

Kính gửi: - Bảo hiểm xã hội các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Bảo hiểm xã hội Bộ Quốc phòng.

Năm 2010, công tác thanh toán đa tuyến ngoại tỉnh được thực hiện theo quy định tại Quyết định số 82/QĐ-BHXH ngày 20/1/2010 của Tổng giám đốc Bảo hiểm xã hội Việt Nam. Tuy nhiên, một số tỉnh không đảm bảo đúng tiến độ báo cáo, đề nghị thanh toán nhiều đợt, giám định lại các trường hợp từ chối đa tuyến chậm làm ảnh hưởng đến việc quyết toán và cân đối quỹ khám chữa bệnh hàng quý và năm 2010.

Để thống nhất số liệu đưa vào quyết toán, Bảo hiểm xã hội Việt Nam thông báo số chi đa tuyến ngoại tỉnh được quyết toán trong năm 2010 như sau:

- Quyết toán đa tuyến đến căn cứ vào số liệu 4 quý của năm 2010

- Quyết toán đa tuyến đi căn cứ vào số liệu quý 4/2009 và 3 quý của năm 2010 bao gồm cả phần các tỉnh giám định lại kỳ trước theo thông báo tại phụ lục kèm theo công văn số 1228/BHXH-CSYT ngày 31/3/2011. (Chi tiết số liệu quyết toán đa tuyến đi - đến năm 2010 tại phụ lục 1 kèm theo công văn này).

- Đối với 53 cơ sở khám chữa bệnh thực hiện thanh toán theo định suất năm 2010 có phát sinh bổ sung số chi đa tuyến đi (phụ lục 2 kèm theo), Bảo hiểm xã hội tỉnh đối chiếu và thực hiện việc khấu trừ phần chi phí trong định suất vào quỹ định suất của cơ sở khám chữa bệnh trước khi thực hiện phân bổ phần kết dư theo quy định tại Thông tư liên tịch số 09/2009/TTLT-BYT-TC ngày 14/8/2009 hướng dẫn thực hiện BHYT.

Các trường hợp giám định lại nhưng chưa tổng hợp để thanh toán trong năm 2010, Bảo hiểm xã hội tỉnh nơi bệnh nhân đến tổng hợp và báo cáo Bảo hiểm xã hội Việt Nam để đưa vào quyết toán năm 2011.

Đề nghị Bảo hiểm xã hội các tỉnh khẩn trương tổ chức thực hiện, nếu có vướng mắc báo cáo Bảo hiểm xã hội Việt Nam để hướng dẫn giải quyết./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Phó TGĐ Nguyễn Minh Thảo (để b/c);
- Ban Chi;
- Lưu VT, CSYT (2b).

TL. TỔNG GIÁM ĐỐC
TRƯỞNG BAN THCS BẢO HIỂM Y TẾ

Phạm Lương Sơn

LuatVietnam
www.vanbanluat.vn

TỔNG HỢP QUYẾT TOÁN ĐA TUYẾN NGOẠI TỈNH NĂM 2010

Phụ lục 1 kèm theo Công văn số: 1721 /BHXH-CSYT ngày 19 tháng 4 năm 2011

STT	Tỉnh	Đa tuyến đến	Đa tuyến đi
1	Hà Nội	1.509.414.611.847	32.838.049.815
2	TP HCM	1.480.359.371.546	25.808.824.543
3	An Giang	12.724.999.045	59.797.594.485
4	BR VTàu	4.045.857.721	63.753.498.071
5	Bạc Liêu	2.511.770.219	25.178.497.202
6	Bắc Giang	8.997.954.061	79.066.964.705
7	Bắc Cạn	633.597.686	9.176.197.440
8	Bắc Ninh	5.730.775.652	66.672.439.379
9	Bến Tre	2.776.217.510	63.469.522.725
10	Bình Dương	25.148.130.676	106.705.131.287
11	Bình Định	11.068.676.089	30.886.514.280
12	Bình Phước	2.003.078.200	33.422.909.158
13	Bình Thuận	2.359.198.408	49.092.380.396
14	Cà Mau	2.952.388.473	27.478.563.223
15	Cao Bằng	724.168.209	11.264.439.576
16	Cần Thơ	68.905.209.497	28.451.458.214
17	Đà Nẵng	90.406.599.891	20.061.370.506
18	Đăk Lắk	10.623.763.439	49.385.811.001
19	Đắk Nông	357.452.119	18.209.724.967
20	Điện Biên	1.326.524.549	9.754.497.203
21	Đồng Nai	11.333.373.584	116.730.323.120
22	Đồng Tháp	4.330.274.275	68.405.842.544
23	Gia Lai	2.591.794.768	29.497.210.192
24	Hà Giang	1.917.815.584	10.766.044.839
25	Hà Nam	2.370.177.370	53.482.247.604
26	Hà Tĩnh	5.030.676.339	73.525.500.219
27	Hải Dương	11.764.371.747	90.355.261.964
28	Hải Phòng	15.663.274.000	79.772.269.326
29	Hậu Giang	3.583.600.574	29.320.199.585
30	Hoà Bình	3.736.240.768	26.687.004.560
31	Hưng Yên	6.899.632.429	91.894.163.938
32	Khánh Hoà	5.464.370.848	23.665.369.940
33	Kiên Giang	4.201.552.039	31.899.184.793
34	Kon Tum	843.118.509	10.039.806.673
35	Lai Châu	274.697.382	5.111.949.352
36	Lạng Sơn	1.281.242.644	24.409.752.876

LuatVietnam
www.vanbanluat.vn

STT	Tỉnh	Đa tuyến đến	Đa tuyến đi
37	Lào Cai	1.679.140.749	14.118.111.731
38	Lâm Đồng	2.503.942.785	43.728.460.912
39	Long An	2.934.084.258	136.016.314.647
40	Nam Định	9.555.341.937	113.205.064.037
41	Nghệ An	30.863.100.649	101.826.216.947
42	Ninh Bình	8.675.208.337	44.733.032.493
43	Ninh Thuận	914.389.211	16.794.604.675
44	Phú Thọ	6.653.747.529	66.854.342.546
45	Phú Yên	2.282.460.639	22.572.529.332
46	Quảng Bình	3.497.682.115	39.187.139.507
47	Quảng Nam	5.882.116.696	73.650.269.846
48	Quảng Ngãi	2.207.644.857	44.662.141.325
49	Quảng Ninh	8.736.871.585	65.367.200.332
50	Quảng Trị	1.957.644.333	30.469.621.645
51	Sóc Trăng	1.484.265.240	34.577.685.690
52	Sơn La	668.590.621	30.216.013.693
53	Tây Ninh	1.385.802.157	93.133.636.340
54	Thái Bình	9.757.503.534	102.493.584.309
55	Thái Nguyên	10.934.498.444	39.592.305.986
56	Thanh Hoá	15.034.331.739	113.257.742.786
57	TT Huế	108.833.225.470	2.991.783.235
58	Tiền Giang	4.872.439.167	102.537.937.634
59	Trà Vinh	1.836.032.728	46.198.791.125
60	Tuyên Quang	4.085.643.751	23.476.737.517
61	Vĩnh Long	3.172.936.106	61.586.259.976
62	Vĩnh Phúc	24.056.958.446	49.606.355.123
63	Yên Bái	3.231.148.347	26.646.349.115

LuatVietnam
www.vanbanluat.vn

TỔNG HỢP CHI PHÍ KCB ĐA TUYẾN ĐI BỔ SUNG TẠI CƠ SỞ KCB THỰC HIỆN ĐỊNH SUẤT

Phụ lục 2 kèm Công văn số: 1721./BHXH-CSYT ngày 19 tháng 4 năm 2011

Đơn vị tính : đồng

TT	Tỉnh	Cơ sở khám chữa bệnh	Chi phí	
			Ngoài quỹ định suất	Trong quỹ định suất
1	Bình Định	Bệnh viện đa khoa tỉnh Bình Định	70,503,136	1,935,972,900
2		TTYT Thành phố Qui Nhơn	151,894,700	1,078,104,073
3		TTYT Huyện An Nhơn	14,709,027	462,340,270
4		TTYT Huyện Phù Cát	951,817	220,404,873
5		TTYT Huyện Phù Mỹ	1,714,500	269,494,073
6		Bệnh viện đa khoa khu vực Bồng sơn	8,817,416	391,042,204
7		BV đa khoa khu vực Phú Phong	6,879,585	207,182,345
8	Bình Dương	Bệnh viện 4 - Quân đoàn 4	9,161,267	707,018,327
9		Công ty TNHH BV-PKĐK Hoàn Hảo	58,138,626	555,017,546
10		DNTN PKĐK Nam Anh	79,815	66,903,087
11		DNTN PKĐK Phước Lộc	11,874	26,953,638
12		Bv đa khoa Huyện Thuận An	40,364,091	1,198,250,004
13		Bv đa khoa Huyện Tân Uyên	2,453,025	256,092,309
14		Công ty TNHH PKĐK An An Bình	44,000	78,923,113
15	Bình Thuận	Bệnh viện đa khoa tỉnh Bình thuận	25,648,991	4,925,560,658
16		Bệnh viện Thị xã La Gi	10,502,204	970,230,013
17		Bệnh viện Huyện Tuy Phong	13,330,495	377,272,301
18		Bệnh viện Huyện Hàm Thuận Bắc	14,135,500	330,748,375
19	BR VTàu	TTYT Huyện Xuyên Mộc	51,580,596	1,028,748,464
20		Bệnh viện Đa khoa huyện Tân Thành	28,321,865	729,915,246
21	Đà Nẵng	Bệnh viện Giao thông vận tải ĐN	4,205,376	3,494,713
22	Đồng Nai	Bệnh viện đa khoa Huyện Trảng Bom	114,325,498	499,059,984
23		Bệnh viện đa khoa Huyện Tân Phú	1,441,878	88,091,853
24		Bệnh viện đa khoa Huyện Vĩnh Cửu	1,000,000	347,192,316
25		Bệnh viện đa khoa Huyện Nhơn Trạch	10,783,835	385,719,428
26	Đồng Tháp	BV đa khoa Huyện Cao Lãnh	998,548	633,730,075
27		BV đa khoa Huyện Lấp Vò	9,680,538	457,056,373
28	Hà Nam	Bv đa khoa Huyện Kim Bảng	67,200	3,732,985
29	Hà Nội	Bệnh viện Hữu Nghị	101,680	306,792,791

LuatVietnam
www.vanbanluat.vn

TT	Tỉnh	Cơ sở khám chữa bệnh	Chi phí	
			Ngoài quỹ định suất	Trong quỹ định suất
30	Hải Phòng	Bệnh viện đa khoa Quận Hồng Bàng	550,000	51,015,512
31		Bệnh viện đa khoa Quận Ngô Quyền	571,600	45,290,410
32		TTYT Quận Kiến An	15,329,929	136,857,855
33		Bệnh viện đa khoa Huyện Tiên Lãng	15,341,480	176,421,707
34		Bệnh viện Giao thông vận tải Hải Phòng	9,288,118	11,062,443
35		Bệnh viện Đại học Y HP	11,874	712,601
36		Phòng Khám đa khoa số 1	1,168,982	5,259,035
37	Hưng Yên	Trung Tâm y Tế huyện Phù Cừ	990,000	30,781,121
38	Kon Tum	TTYT Huyện Đắk Hà	13,781,466	29,250,560
39	Lâm Đồng	Trung tâm Y tế Đơn Dương-Lâm Đồng	8,041,848	188,957,872
40		Trung tâm Y tế Lâm Hà-Lâm Đồng	103,987,660	250,309,546
41		Trung tâm Y tế Bảo Lâm-Lâm Đồng	263,200	209,553,775
42	Lạng Sơn	TT y tế Huyện Bình Gia	54,827	25,305,560
43	Ninh Bình	Phòng khám đa khoa tư nhân 242	11,874	2,988,362
44	Ninh Thuận	Trung tâm Y tế huyện Ninh Hải	578,022	183,705,082
45	Phú Yên	Bv đa khoa Huyện Đông Hoà	11,931,434	187,759,504
46	Quảng Nam	Bệnh viện đa khoa tỉnh Quảng Nam	340,850	695,596,857
47		Bv ĐKKV MN phía Bắc tỉnh Quảng Nam	8,876,088	38,022,854
48		Bv đa khoa khu vực tỉnh Quảng Nam	49,779,283	112,303,404
49		Bv đa khoa trung ương Quảng Nam	14,505,716	64,777,701
50	Thanh Hoá	Bv đa khoa Huyện Đông Sơn	11,874	47,631,725
51		Bv đa khoa Huyện Hoằng Hóa	2,129,351	27,039,660
52	Trà Vinh	Bệnh viện đa khoa Huyện Cầu Kè	2,460,555	409,810,191
53		PKĐK khu vực xã Hoà Lợi	2,991,277	94,562,550

LuatVietnam
www.vanbanluat.vn